Ngày soạn: 10 / 2 /2025

Ngày dạy: 22 / 2 /2025

**Chương VIII: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Bài 41: MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 27)***

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được môi trường sống của sinh vật; phân biệt được bốn loại môi trường sống chủ yếu và lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái; phân biệt được nhân tố vô sinh và hữu sinh; lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.

- Trình bày được khái niệm và lấy được ví dụ về giới hạn sinh thái.

**2.1. Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về môi trường sống của sinh vật, các nhân tố sinh thái và sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật, giới hạn sinh thái..

*- Giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm một cách có hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập và thực hành.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :**

*Nhận thức khoa học tự nhiên:*

- Nêu được môi trường sống của sinh vật; phân biệt được bốn loại môi trường sống chủ yếu và lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái; phân biệt được nhân tố vô sinh và hữu sinh; lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.

- Trình bày được khái niệm và lấy được ví dụ về giới hạn sinh thái.

*Tìm hiểu tự nhiên:*

- Biết được sự ảnh hưởng của từng nhân tố sinh thái cụ thể lên đời sống sinh vật thông qua các ví dụ cụ thể.

- Tìm hiểu được cơ sở khoa học của một số biện pháp sử dụng trong nông nghiệp.

*Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được hiểu biết về môi trường sống và sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật vào thực tiễn trồng trọt và chăn nuôi.

**3. Phẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về môi trường sống,các nhân tố sinh thái, sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật..

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Trung thực trong báo cáo, thảo luận hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bài Soạn + GA powerpoint + Máy tính, tivi.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Vở ghi + SGK + Đồ dùng học tập + Đọc trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập, tạo tâm thế hứng thú, sẵn sàng tìm hiểu kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Các câu trả lời của HS (có thể đúng hoặc sai).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống: *Một hồ nước, một rừng cây, thậm chí một tân cây cũng được coi là môi trường sống của sinh vật. Vậy, môi trường sống là gì? Có những loại môi trường sống nào? Những nhân tố nào tạo nên môi trường sống?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày câu trả lời.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, ghi nhận các ý kiến của HS.  - GV chưa chốt kiến thức mà dẫn dắt vào bài học mới: *Để giải thích câu hỏi này đầy đủ và chính xác, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.* | **Gợi ý câu trả lời của hoạt động khởi động:** |

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về môi trường sống.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được môi trường sống của sinh vật; phân biệt được bốn loại môi trường sống chủ yếu và lấy được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:**

*-* HS cá nhân quan sát Hình 41.1; nghiên cứu thông tin SGK/170; trả lời câu hỏi SGK/170 và rút ra khái niệm về môi trường sống.

*-* HS cá nhân nghiên cứu thông tin và trả lời câu hỏi SGK/171; rút ra kết luận về các loại môi trường sống chủ yếu.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS quan sát Hình 41.1 – Môi trường sống:  - HS cá nhân nghiên cứu thông tin SGK/170; trả lời câu hỏi phần hoạt động SGK/ 170:  *Quan sát Hình 41.1, em hãy kể tên các nhân tố trong môi trường sống của cây xanh.*  - HS rút ra khái niệm về môi trường sống.  ***-***Học sinh quan sát Hình 41.2 – Một số loại môi trường sống:    - HS cá nhân nghiên cứu thông tin SGK/171; trả lời câu hỏi SGK/ 171:  *Em hãy xác định các loại môi trường sông được thể hiện ở hình 41.2*  - HS rút ra kết luận về các loại môi trường sống chủ yếu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân quan sát Hình 41.1 - Môi trường sống; nghiên cứu thông tin SGK/170; trả lời câu hỏi hoạt động SGK/170 và rút ra khái niệm về môi trường sống.  *-* Học sinh cá nhân quan sát Hình 41.2 - Một số loại môi trường sống, nghiên cứu thông tin SGK/171; hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi SGK/171 và rút ra kết luận về các loại môi trường sống chủ yếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS cá nhân trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về môi trường sống và các loại môi trường sống chủ yếu của sinh vật.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **I. Môi trường sống.**  **1. Khái niệm môi trường sống.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi:*  *1. Nhân tố vô sinh: đất, gió, độ ẩm, oxygen, cacbondioxide, khói, bụi, nhà máy, ô tô*  *2. Nhân tố hữu sinh: cây cỏ, cào cào, con bò, con người,*…  **KL:**  Môi trường sống là nơi sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố xung quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chúng.  **2. Các loại môi trường sống chủ yếu.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi:*  *- môi trường trong đất*  *- môi trường trên cạn.*  *- môi trường sinh vật.*  *- môi trường nước*  **KL:**  Các loại môi trường sống chủ yếu bao gồm: môi trường trên cạn, môi trường nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các nhân tố sinh thái.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái; phân biệt được nhân tố vô sinh và hữu sinh; lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.

**b. Nội dung:**

- HS nghiên cứu thông tin SGK/171, 172, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/172.

- HS rút ra kết luận về các nhân tố sinh thái và sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho cá nhânHS nghiên cứu thông tin phần 1 - SGK/171, nêu khái niệm nhân tố sinh thái.  - GV choHS nghiên cứu thông tin phần 2 - SGK/172, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/172.  - GV choHS rút ra kết luận về sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái đến sinh vật.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu thông tin phần 1 - SGK/171, nêu khái niệm nhân tố sinh thái.  - HS nghiên cứu thông tin phần 2 - SGK/172, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/172:  *1, Phân loại các nhân tố trong môi trường sống của cây xanh hình 41.1 vào nhóm nhân tố vô sinh và nhân tố hữu sinh.*  *2, Tại sao trong nhóm nhân tố hữu sinh thì con người là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất tới đời sống nhiều loài sinh vật.*  - HS rút ra kết luận về sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái đến sinh vật.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS cá nhân nêu khái niệm nhân tố sinh thái.  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái đến sinh vật.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **II. Nhân tố sinh thái.**  **1, Khái niệm nhân tố sinh thái.**  **KL:**  - Các nhân tố trong môi trường ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của sinh vật được gọi là các nhân tố sinh thái.  - Các nhân tố sinh thái được xếp vào hai nhóm:  + Nhân tố sinh thái vô sinh: là các yếu tố không sống của môi trường.  + Nhân tố sinh thái hữu sinh: là các yếu tố sống của môi trường (bao gồm con người và các sinh vật khác).  **2, Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận:*  *1,*  *- Nhân tố vô sinh: đất, gió, độ ẩm, oxygen, cacbondioxide, khói, bụi, nhà máy, ô tô*  *- Nhân tố hữu sinh: cây cỏ, cào cào, con bò, con người,*  *2, Con người có trí tuệ hoạt động của con người khác với các sinh vật khác, bên cạnh việc khai thác tài nguyên thiên nhiên con người còn góp phần to lớn cải tạo thiên nhiên. Ngoài tác động giống sinh vật khác con người có trí tuệ cao nên con người còn tác động vào môi trường tự nhiên bằng các nhân tố xã hội, trước hết là chế độ xã hội. Tác động của con người vào môi trường tự nhiên là tác động có ý thức, có quy mô rộng lớn vì vậy làm thay đổi mạnh mẽ môi trường và sinh giới ở nhiều nơi.*  **KL:**  a. Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh:  - Ánh sáng, nhiệt độ... là những nhân tố vô sinh có ảnh hưởng thường xuyên đến sinh vật.  - Thực vật thích nghi khác nhau trong các điều kiện chiếu sáng khác nhau, được chia thành hai nhóm chủ yếu là cây ưa sáng và cây ưa bóng.  - Ánh sáng tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật và định hướng di chuyển trong không gian.  - Nhiệt độ môi trường có ảnh hưởng tới hình thái, hoạt động sinh lý của sinh vật.  b. Ảnh hưởng của các nhân tố hữu sinh:  - Mỗi sinh vật sống trong môi trường đều trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới các sinh vật sống xung quanh. |

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về giới hạn sinh thái.**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được khái niệm và lấy được ví dụ về giới hạn sinh thái.

**b. Nội dung:**HS quan sát sơ đồ Hình 41.3 - Sơ đồ mô tả giới hạn sinh thái về nhiệt độ của cá rô phi và nghiên cứu thông tin phần III - SGK/171, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/73 và rút ra kết luận về giới hạn sinh thái.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV choHS quan sát sơ đồ Hình 41.3 - Sơ đồ mô tả giới hạn sinh thái về nhiệt độ của cá rô phi và nghiên cứu thông tin phần III - SGK/171.  - GV choHS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/73:  *1, Ở một địa phương, người ta có ý định nhập nội ba loài cá(A, B, C) về nuôi. Nhiệt độ trung bình trong năm tại đây dao động từ C đến C . Dựa vào thông tin về giới hạn sinh thái nhiệt độ của mỗi loài cá (Hình 41.4) hãy cho biết nên nhập loại cá nào để nuôi tại đây và giải thích.*    *2, Tại sao một số loài cây trồng dưới tán rừng cho năng suất cao hơn khi trồng ở nơi trống trải?*  - GV choHS rút ra rút ra kết luận về giới hạn sinh thái.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát sơ đồ Hình 41.3 - Sơ đồ mô tả giới hạn sinh thái về nhiệt độ của cá rô phi và nghiên cứu thông tin phần III - SGK/171.  - HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/73:  - HS rút ra rút ra kết luận về giới hạn sinh thái.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS nhóm trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về giới hạn sinh thái.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức  - GV cho HS đọc mục Em có biết SGK/173.  - GV cho HS hệ thống lại các nội dung chính của bài theo mục Em đã học SGK/173.  - GV cho HS thực hiện mục Em có thể SGK/173 tại nhà. | **III. Giới hạn sinh thái.**  *Gợi ý trả lời câu hỏi hoạt động nhóm:*  *1,*  *- Nên nhập loài cá B vì cá B phát triển thuận lợi trong khoảng nhiệt độ từ C đến C.*  *- Loài cá A giới hạn sinh thái ngoài khoảng C đến C nên nuôi ở đây sẽ chết*  *- Loài cá C giới hạn sinh thái ngoài khoảng C đến C nên nuôi ở đây sẽ chết*  *2, Những cây này cần ít ánh sáng độ ẩm cao( ưu bóng, ưa ẩm) Những loại cây này là những loài cây ưa bóng, có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện cường độ ánh sáng thấp (dưới tán rừng). Khi đem ra trồng nơi trống trải, sự tác động trực tiếp của cường độ ánh sáng cao khiến cho các hoạt động sinh lí của cây bị rối loạn (đặc biệt là hoạt động quang hợp), từ đó, ảnh hưởng xấu đến năng suất của cây trồng.*  **KL:**  - Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó, sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian  - VD: cá rô phi ở Việt nam có khoảng giới hạn sinh thái về nhiệt độ từ 5,60C đến 420C |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm.

**b. Nội dung:** HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV Cho HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1:** Yếu tố nào dưới đây là nhân tố hữu sinh?  A. Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.  B. Chế độ khí hậu, nước, ánh sáng.  C. Con người và các sinh vật khác.  D. Các sinh vật khác và ánh sáng.  **Câu 2:** Môi trường sống là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả các nhân tố sinh thái  A. Vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật  B. Hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật  C. Vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật  D. Hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật  **Câu 3:** Môi trường bao gồm  A. nguồn thức ăn cung cấp cho sinh vật.  B. các yếu tố của khí hậu tác động lên sinh vật.  C. tập hợp tất cả các yếu tố bao quanh sinh vật.  D. các yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm.  **Câu 4:** Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi  A. Chúng là nơi ở của các sinh vật khác.  B. Các sinh vật khác có thể đến lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể chúng.  C. Cơ thể chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.  D. Cơ thể chúng là nơi sinh sản của các sinh vật khác.  **Câu 5:** Yếu tố ánh sáng thuộc nhóm nhân tố sinh thái nào?  A. Vô sinh. B. Hữu sinh.  C. Vô cơ. D. Chất hữu cơ.  **Câu 6:** Trong tự nhiên, nhân tố sinh thái tác động đến sinh vật  A. Một cách độc lập với tác động của các nhân tố sinh thái khác  B. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố sinh thái khác  C. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố vô sinh  D. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố hữu sinh  **Câu 7:** Những nhân tố khi tác động đến sinh vật, ảnh hưởng của chúng thường phụ thuộc vào mật độ của quần thể bị tác động là  A. Nhân tố hữu sinh. B. Nhân tố vô sinh.  C. Các bệnh truyền nhiễm. D. Nước, không khí, độ ẩm, thực vật ưa sáng.  **Câu 8:** Có thể xếp con người vào nhóm nhân tố sinh thái nào?  A. Vô sinh. B. Hữu sinh.  C. Hữu sinh và vô sinh.  D. Hữu cơ.  **Câu 9:** Giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định được gọi là gì?  A. Giới hạn sinh thái. B. Tác động sinh thái  C. Khả năng cơ thể. D. Sức bền của cơ thể.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải thích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời từng câu hỏi trắc nghiệm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **III. Luyện tập**  ***Đáp án câu hỏi trắc nghiệm:***  **Câu 1:** C  **Câu 2:** C  **Câu 3:** C  **Câu 4**: C  **Câu 5:** A  **Câu 6**: B  **Câu 7:** B  **Câu 8**: B  **Câu 9**: A  **Câu 9**: A |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết tình huống thực tiễn.

**b. Nội dung:**HS vận dụng kiến thức giải quyết các tình huống thực tiễn.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện bài tập của học sinh.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  **Câu 1.** Kể tên các môi trường sống của sinh vật? mỗi môi trường cho hai ví dụ về sinh vật sống ở đó.  **Câu 2.** Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước, kiến, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, độ ẩm không khí, rắn hổ mang, áp suất không khí, cây gỗ, gỗ mục, gió thổi, cây cỏ, thảm lá khô, sâu ăn lá cây, độ tơi xốp của đất, lượng mưa. Hãy sắp xếp các nhân tố đó vào từng nhóm nhân tố sinh thái.  **Câu 3.** Quan sát trong lớp học và điền thêm vào bảng những nhân tố sinh thái tác động tới việc học tập và sức khoẻ của học sinh vào bảng 1.  **Bảng 1. Bảng điền các nhân tố sinh thái trong lớp học**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nhân tố sinh thái** | **Mức độ tác động** | | 1 | Ánh sáng | Đủ ánh sáng để đọc sách | | 2 | ... |  |   **Câu 4:** Vì sao có nhiều loài cây trồng trong nhà vẫn xanh tốt. Những cây này không cần quá nhiều ánh sáng vẫn phát triển tốt được.  **Câu 5.** Giải thích vì sao trong sản xuất nông nghiệp cây trồng đúng thời vụ cho năng suất cao hơn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS: Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  HS: Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **IV. Vận dụng.**  *Hướng dẫn trả lời câu hỏi thảo luận:*  **Câu 1.**  - Môi trường trong đất: giun đất, chuột dúi  - Môi trường trên cạn: chó, cây hoa hồng.  - Môi trường sinh vật: giun đũa, cây tầm gửi  - Môi trường nước: cá mè. Cây rong đuôi chó  **Câu 2.** Có hai nhóm nhân tố sinh thái chính:  - Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh (sống): kiến, rắn hổ mang, cây gỗ, cây cỏ, sâu ăn lá cây.  - Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh (không sống): mức độ ngập nước, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, độ ẩm không khí, áp suất không khí, gỗ mục, gió thổi, thảm lá khô, độ tơi xốp của đất, lượng mưa.  **Câu 3.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nhân tố sinh thái** | **Mức độ tác động** | | 1 | Ánh sáng | Đủ ánh sáng để đọc sách | | 2 | Nghe giảng | Lắng nghe thầy giảng | | 3 | Viết bài | Chép bài đầy đủ | | 4 | Trời nóng bức | Ngồi chật, khó chịu, ảnh hưởng đến học tập | | 5 | Giáo viên giảng bài | Tác động tới học sinh, lắng nghe thầy cô giảng bài. | | 6 | Bạn học ngồi cạnh nói chuyện trong giờ học | Nói chuyện trong giờ, không tập trung nghe giảng |   **Câu 4.** Nhiều loại cây cảnh trồng trong nhà mà vẫn xanh tốt vì những cây này có nhu cầu chiếu sáng không cao (có thể quang hợp ở cường độ ánh sáng thấp ở trong nhà), thường là các cây ưa bóng.  **Câu 5.** Trong sản xuất nông nghiệp, cây trồng được gieo trồng đúng vụ thường đạt năng suất cao vì: Khi trồng cây đúng thời vụ, cây trồng sẽ có các nhân tố sinh thái vô sinh như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm,… phù hợp, giúp cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, có sức sống cao, chống chịu tốt với các điều kiện của môi trường. Nhờ đó, cây trồng sẽ cho năng suất cao. |

**\* Hướng dẫn HS tự học ở nhà**

1. Ôn tập lại các kiến thức bài 41.

2. Làm bài tập bài 41 trong SBT

3. Đọc trước nội dung bài 42: Quần thể sinh vật.